

Số: 1472 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo
đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh
kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Nhuận Trạch” tại xã Cư Yên, xã Nhuận
Trạch, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính
phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài
nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản số 112/HPHB ngày 12 tháng 01 năm 2023 và Văn bản số
59/2023/CV-HPHB ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Công ty TNHH Hòa Phú -
Hòa Bình về việc đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác
động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng
khu công nghiệp Nhuận Trạch” tại xã Cư Yên, xã Nhuận Trạch, huyện Lương
Sơn, tỉnh Hòa Bình và hồ sơ kèm theo;*

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Nhuận Trạch” (sau đây gọi là Dự án), do Công ty TNHH Hòa Phú - Hòa Bình làm chủ đầu tư (sau đây gọi là Chủ dự án) được thực hiện tại xã Cư Yên, xã Nhuận Trạch, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Công ty TNHH Hòa Phú - Hòa Bình;
- UBND tỉnh Hòa Bình;
- Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường;
- Sở TN&MT tỉnh Hòa Bình;
- Lưu: VT, VPMC, MT. Ch.





**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Võ Tuấn Nhân

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN “ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ
TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP NHUẬN TRẠCH”**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Nhuận Trạch”.
- Địa điểm thực hiện: Xã Cư Yên, xã Nhuận Trạch, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.
- Chủ dự án: Công ty TNHH Hòa Phú - Hòa Bình.
- Địa chỉ liên hệ: Lô HC - Khu công nghiệp Nhuận Trạch, xã Nhuận Trạch, huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình.

1.2. Phạm vi, quy mô của Dự án:

1.2.1. Dự án thực hiện trên diện tích khoảng 2.136.843,33 m², trong đó đất công nghiệp diện tích khoảng 1.490.127,01 m²; đất điều hành dịch vụ diện tích khoảng 21.631,31 m²; đất hạ tầng kỹ thuật diện tích khoảng 35.240 m²; đất cây xanh, mặt nước diện tích khoảng 346.003,55 m², đất giao thông diện tích khoảng 243.841,46 m².

1.2.2. Ngành nghề thu hút đầu tư của Dự án:

Ngành nghề thu hút đầu tư của Dự án theo Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh Hòa Bình, cụ thể được thể hiện tại Văn bản số 3460/VPUBND-KTN ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Văn Phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc danh mục các ngành nghề được phép thu hút đầu tư của khu công nghiệp Nhuận Trạch, tỉnh Hòa Bình và Văn bản số 304/BQLKCN-ĐTDN ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hòa Bình về việc danh mục các ngành nghề được phép thu hút đầu tư của khu công nghiệp Nhuận Trạch, tỉnh Hòa Bình. Cụ thể các ngành nghề như sau:

Cấp 1	Cấp 2	Tên ngành (theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ)	Ghi chú
C		CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO	
	10	Sản xuất, chế biến thực phẩm	
	11	Sản xuất đồ uống	

Cấp 1	Cấp 2	Tên ngành (theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ)	Ghi chú
	12	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	
	13	Dệt	
	14	Sản xuất trang phục	
	15	Sản xuất da và các sản phẩm khác có liên quan	Không bao gồm mã ngành 1511 - Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú.
	16	Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện	
	17	Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	Không bao gồm mã ngành 1701 - Sản xuất bột giấy, giấy và bìa
	18	In ấn, sao chép bản ghi các loại	
	20	Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất	Không bao gồm các mã ngành: 201 - Sản xuất hóa chất cơ bản, phân bón và hợp chất ni tơ; sản xuất plastic và cao su tổng hợp; 2021 - Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp.
	21	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	
	22	Sản xuất các sản phẩm từ cao su và plastic	
	23	Sản xuất các sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	
	24	Sản xuất kim loại	
	25	Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	Không bao gồm mã ngành 252 - Sản xuất vũ khí và đạn dược
	26	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	
	27	Sản xuất thiết bị điện	

Cấp 1	Cấp 2	Tên ngành (theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ)	Ghi chú
	28	Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	
	29	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	
	30	Sản xuất phương tiện vận tải khác	
	31	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	
	32	Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	
	33	Sửa chữa và bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	
D		SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI ĐIỆN, KHÍ ĐÓT, NƯỚC NÓNG, HƠI NƯỚC VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ	
	35	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	
E		CUNG CẤP NƯỚC; HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI, NƯỚC THẢI	
	36	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	
	37	Thoát nước và xử lý nước thải	
	38	Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải; tái chế phế liệu	Không bao gồm các mã ngành 381 - Thu gom rác thải; 382 - Xử lý và tiêu hủy rác thải.
G		BÁN BUÔN VÀ BÁN LẺ; SỬA CHỮA Ô TÔ, MÔ TÔ, XE MÁY VÀ XE CÓ ĐỘNG CƠ KHÁC	
	45	Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	
	46	Bán buôn (Trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	
	47	Bán lẻ (Trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	
H		VẬN TẢI KHO BÃI	
	52	Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải	
	53	Bưu chính và chuyển phát	
I		DỊCH VỤ LƯU TRÚ VÀ ĂN UỐNG	

Cấp 1	Cấp 2	Tên ngành (theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ)	Ghi chú
	55	Dịch vụ lưu trú	
	56	Dịch vụ ăn uống	
J		THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	
	58	Hoạt động xuất bản	
K		HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH, NGÂN HÀNG VÀ BẢO HIỂM	
	64	Hoạt động dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)	
	65	Bảo hiểm, tái bảo hiểm và bảo hiểm xã hội (trừ bảo đảm xã hội bắt buộc)	
	66	Hoạt động tài chính khác	
L		HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN	
	68	Hoạt động kinh doanh bất động sản	
M		HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	
	69	Hoạt động pháp luật, kế toán và kiểm toán	
	70	Hoạt động của trụ sở văn phòng; hoạt động tư vấn quản lý	
	71	Hoạt động kiến trúc; kiểm tra và phân tích kỹ thuật	
	72	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	
	73	Quảng cáo và nghiên cứu thị trường	
	74	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác	
N		HOẠT ĐỘNG HÀNH CHÍNH VÀ DỊCH VỤ HỖ TRỢ	
	77	Cho thuê máy móc, thiết bị (không kèm người điều khiển); cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình; cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	
	78	Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm	

Cấp 1	Cấp 2	Tên ngành (theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ)	Ghi chú
	79	Hoạt động của các đại lý du lịch kinh doanh tua du lịch và các dịch vụ hỗ trợ, liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	
	80	Hoạt động điều tra đảm bảo an toàn	
	81	Hoạt động dịch vụ vệ sinh nhà cửa, công trình và cảnh quan	
	82	Hoạt động hành chính, hỗ trợ văn phòng và các hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác	
R		NGHỆ THUẬT, VUI CHƠI VÀ GIẢI TRÍ	
	93	Hoạt động thể thao, vui chơi và giải trí	
A		NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN	
	01	Nông nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan	Chi tiết: Mã ngành 01461 - Hoạt động ấp trứng và sản xuất giống gia cầm. Không bao gồm các mã ngành còn lại.

1.2.3. Phạm vi đánh giá tác động môi trường của Dự án được phê duyệt tại Quyết định này không bao gồm hạng mục di dân, tái định cư; khai thác nguyên vật liệu phục vụ thi công; trạm bơm nước thô và hệ thống đường ống dẫn nước thô về nhà máy nước sạch.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án:

1.3.1. Các hạng mục công trình chính của Dự án:

- San nền, hệ thống giao thông; hệ thống cấp nước; nhà máy nước sạch; hệ thống cấp điện; hệ thống chiếu sáng; hệ thống phòng cháy chữa cháy; hệ thống thông tin liên lạc.

- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa; hệ thống thu gom và thoát nước thải.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung với tổng công suất 5.100 m³/ngày.đêm (gồm 03 module, mỗi module có công suất 1.700 m³/ngày.đêm).

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ: Nhà điều hành; cây xanh, mặt nước và cây xanh cách ly của khu công nghiệp.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với diện tích khoảng 102,94 ha theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Hoạt động chuẩn bị mặt bằng, thi công, đào đắp và thi công các hạng mục công trình xây dựng; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, ảnh hưởng đến cảnh quan, hoạt động giao thông đường bộ, tiềm ẩn nguy cơ sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy, nổ.

- Dự án đi vào hoạt động phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn, chất thải nguy hại và nguy cơ xảy ra sự cố cháy nổ, sự cố hệ thống xử lý nước thải.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

3.1.1.1. Trong giai đoạn thi công:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 22,5 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm TSS, BOD₅, Amoni, coliform, photphat (tính theo P).

- Nước rửa xe, dụng cụ phát sinh khoảng 8 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng TSS, dầu mỡ khoáng.

- Nước mưa chảy tràn phát sinh khoảng 7,83 m³/s. Thông số ô nhiễm đặc trưng TSS.

3.1.1.2. Trong giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 1.099,49 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm TSS, BOD₅, Amoni, coliform, photphat (tính theo P).

- Nước thải sản xuất phát sinh khoảng 2.622,58 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm BOD₅, COD, TSS, dầu mỡ khoáng.

- Nước mưa chảy tràn phát sinh khoảng 18,41 m³/s. Thông số ô nhiễm đặc trưng TSS.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

3.1.2.1. Trong giai đoạn thi công:

Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất đá và hoạt động thi công xây dựng phát sinh bụi và khí thải, Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm bụi, CO, NO₂, SO₂.

3.1.2.2. Trong giai đoạn vận hành:

- Hoạt động của các phương tiện giao thông trong phạm vi Dự án. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm bụi, SO₂, NO_x, CO, CO₂, VOCs.

- Mùi phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung.
- Bụi, khí thải của các dự án thứ cấp.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

3.2.1.1. Trong giai đoạn thi công:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 225 kg/ngày. Thành phần chủ yếu bao gồm các loại rau, củ quả, thức ăn thừa, bao bì, thùng chứa, giấy, chai lọ.
- Chất thải rắn xây dựng phát sinh khoảng 810,64 tấn trong cả giai đoạn. Thành phần chủ yếu bao gồm gạch, đá vỡ, sắt thép vụn.
- Đất bóc hữu cơ khối lượng khoảng 608.391 m³.

3.2.1.2. Trong giai đoạn vận hành:

- Chất thải sinh hoạt phát sinh khoảng 25,65 kg/ngày. Thành phần chủ yếu bao gồm vỏ đồ hộp, giấy báo, bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa.
- Bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý nước thải phát sinh khoảng 2.468,7 kg/ngày và từ quá trình xử lý nước cấp khoảng 1,8 tấn/ngày.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

3.2.2.1. Trong giai đoạn thi công:

Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 80 kg/tháng. Thành phần chủ yếu gồm giẻ lau dính dầu, hộp đựng sơn, dầu đã qua sử dụng, dầu thải tổng hợp, bóng đèn huỳnh quang, que hàn, dụng cụ quét sơn.

3.2.2.2. Trong giai đoạn vận hành:

Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 143 kg/tháng. Thành phần chủ yếu gồm bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau dính dầu thải, bao bì thải có chứa thành phần nguy hại, pin thải.

3.3. Tiếng ồn và độ rung:

3.3.1. Trong giai đoạn thi công:

Hoạt động thi công của máy móc thiết bị và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải phát sinh tiếng ồn, rung.

3.3.2. Trong giai đoạn vận hành:

Hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông, hoạt động của các dự án thứ cấp trong phạm vi Dự án phát sinh tiếng ồn, rung.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

4.1.1.1. Trong giai đoạn thi công:

- Nước thải sinh hoạt: Lắp đặt 4 nhà vệ sinh di động, dung tích bể chứa khoảng 3 m³/1 nhà vệ sinh để thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt; hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý định kỳ theo quy định.

Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → Nhà vệ sinh lưu động → Hút, vận chuyển, xử lý.

- Nước rửa xe, nước rửa máy móc, thiết bị: Xây dựng 01 hố lắng cầu tạo 2 ngăn dung tích 22,5 m³/hố tại 01 cầu rửa xe. Nước sau lắng lọc được tuần hoàn tái sử dụng vào mục đích rửa xe, tưới ẩm. Bùn đất tại hố lắng được nạo vét, hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

Quy trình xử lý: Nước rửa xe → Hố lắng → Tách dầu → Lắng cặn → Tuần hoàn tái sử dụng.

- Nước mưa chảy tràn: Được thu gom vào rãnh thoát nước có hố ga lắng cặn trước khi xả ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

Quy trình xử lý: Nước mưa chảy tràn → Rãnh thoát nước → Lắng cặn → Hệ thống thoát nước chung của khu vực.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn để giảm thiểu úng ngập do việc thực hiện Dự án; đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực xung quanh Dự án không làm ảnh hưởng đến hệ thống thoát nước mưa và hệ sinh thái khu vực trong quá trình thi công xây dựng Dự án

- Thu gom toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt và nước thải thi công xây dựng phát sinh của Dự án đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022).

4.1.1.2. Trong giai đoạn vận hành:

- Toàn bộ nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành của khu công nghiệp (bao gồm cả nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp) được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 5.100 m³/ngày đêm để xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

Quy trình xử lý: Nước thải → Tách rác thô → Bể gom → Tách rác tinh → Bể tách cát dầu mỡ → Bể điều hòa → Khôi bể phản ứng (bể điều chỉnh pH, bể keo tụ và bể tạo bông) → Bể lắng hóa lý → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Ngăn trung gian → Hệ lọc áp lực → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý → Kênh nội đồng (toạ độ xả thải: X=2308855,0139, Y= 454822,7693) → Hồ nhân tạo.

+ Tiêu chuẩn nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp:

TT	Thông số	Đơn vị	Tiêu chuẩn đầu vào
1	Nhiệt độ	°C	40
2	Độ màu	Pt/Co	150
3	pH	-	6,5 – 7,5
4	BOD5 (20°C)	mg/l	600
5	COD	mg/l	800
6	TSS	mg/l	400
7	Asen	mg/l	0,0405
8	Thủy ngân	mg/l	0,00405
9	Chì	mg/l	0,5
10	Cadimi	mg/l	0,0405
11	Crom (VI)	mg/l	0,0405
12	Crom (III)	mg/l	1
13	Đồng	mg/l	1,62
14	Kẽm	mg/l	3
15	Niken	mg/l	0,162
16	Mangan	mg/l	0,405
17	Sắt	mg/l	5
18	Tổng xianua	mg/l	0,0567
19	Tổng phenol	mg/l	0,081
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	20
21	Sunfua	mg/l	0,5
22	Florua	mg/l	4,05
23	Amoni (theo N)	mg/l	65

TT	Thông số	Đơn vị	Tiêu chuẩn đầu vào
24	Tổng nitơ	mg/l	80
25	Tổng photpho (theo P)	mg/l	25
26	Clorua	mg/l	<450
27	Clo dư	mg/l	0,81
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,0405
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	0,243
30	Tổng PCB	mg/l	0,00243
31	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0

- Xây dựng hệ thống thu gom nước mưa (tách riêng với hệ thống thoát nước thải) gồm các hố ga, đảm bảo thu gom toàn bộ nước mưa chảy tràn, sau đó thoát kênh thoát nước chung của khu vực qua 5 điểm xả có toạ độ: (X=2308932,4818, Y=454548,1059); (X=2308841,4158, Y=454915,5363); (X=2308523,0203; Y=455387,681); (X=2307346,7136, Y=453352,4174); (X=2307528,5378, Y=453612,2779).

Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A với các hệ số $K_q = 0,9$; $K_f = 0,9$ trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

4.1.2.1. Trong giai đoạn thi công:

- Che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất,...; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận; rửa xe vận chuyển trước khi ra khỏi công trường.

- Thường xuyên phun nước làm ẩm, giảm bụi các tuyến đường vận tải, khu vực san lấp mặt bằng và các khu vực thi công khác (kể cả các ngày không thi công mà có phát sinh bụi trong phạm vi Dự án) với tần suất tối thiểu 2 lần/ngày (trừ những ngày mưa), tăng tần suất vào mùa khô.

4.1.2.2. Trong giai đoạn vận hành:

- Các dự án thứ cấp phải có hồ sơ môi trường theo quy định và phải xử lý bụi, khí thải đạt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.
- Trồng cây xanh xung quanh và các công trình công cộng trong phạm vi dự án, đảm bảo mật độ cây xanh theo quy định.
- Đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp theo đúng quy định; trồng dải cây xanh cách ly xung quanh khu vực xử lý.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường:

4.2.1.1. Trong giai đoạn thi công:

- Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt chuyên dụng có nắp đậy, dung tích 200-500 lít/thùng để thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại khu vực dự án; hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý định kỳ theo quy định.
- Chất thải xây dựng thông thường được thu gom, vận chuyển, đổ thải vào các vị trí thỏa thuận khi được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền.
- Đất, bùn hữu cơ của phần diện tích đất lúa được sử dụng vào mục đích trồng cây xanh, cây xanh cách ly, trồng hoa, thảm cỏ và tiểu cảnh của Dự án, với diện tích khoảng 22,7 ha.

4.2.1.2. Trong giai đoạn vận hành:

- Các dự án thứ cấp tự thu gom, lưu giữ tạm thời các loại chất thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở, hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý định kỳ theo quy định.
- Thu gom, phân loại chất thải sinh hoạt phát sinh từ nhà điều hành, từ trạm xử lý nước thải và trên đường nội bộ, hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý định kỳ theo quy định.
- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý các loại chất thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022);

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại:

4.2.1. Trong giai đoạn thi công:

- Thu gom toàn bộ các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công; phân nhóm và lưu giữ: dầu thải phát sinh từ hồ lắng cầu rửa xe vào 01 thùng phuy có nắp đậy dung tích 120 lít/thùng; giẻ lau dính dầu, các loại chất thải nguy hại khác như pin, ắc quy, bóng đèn huỳnh quang được thu gom vào 04 thùng chứa có nắp đậy dung tích 60 lít/thùng.

- Bố trí một kho chứa tạm chất thải nguy hại diện tích khoảng 15 m², hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý định kỳ theo quy định.

4.2.2. Trong giai đoạn vận hành:

- Các dự án thứ cấp thực hiện thu gom, lưu trữ các loại chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở của mình, hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý định kỳ theo quy định.

- Xây dựng kho chứa chất thải nguy hại, diện tích khoảng 24 m², thu gom, phân loại chất thải nguy hại phát sinh của Dự án, hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý định kỳ theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, giám sát, quản lý đảm bảo toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

4.2.3. Công trình, biện pháp quản lý bùn thải:

- Bùn thải từ bể phốt: Định kỳ, hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý định kỳ theo quy định.

- Đối với bùn cặn tại hồ ga thoát nước mưa: Nạo vét, hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý định kỳ theo quy định.

- Đối với bùn thải, bùn cặn của trạm xử lý nước thải tập trung, nhà máy nước sạch: hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý định kỳ theo quy định.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung:

- Trong quá trình thi công xây dựng và vận hành, Dự án phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn và độ rung đạt các quy chuẩn: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Thực hiện việc trồng cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích đất trồng cây xanh theo quy định.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Đảm bảo diện tích trồng cây xanh, thảm cỏ xung quanh để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất tới môi trường xung quanh.

- Đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

4.5.1. Trong giai đoạn thi công:

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động: Xây dựng các phương án ứng phó đối với các sự cố, tai nạn lao động; tập huấn cho công nhân về thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động; trang bị bảo hộ lao động; tăng cường phổ biến và hướng dẫn cán bộ kỹ thuật, công nhân lao động kỹ năng phòng, tránh, ứng phó sự cố tai nạn lao động.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ: Ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy, chữa cháy; trong quá trình thi công nếu xảy ra sự cố cháy nổ, đơn vị thi công phải ứng cứu ngay các đối tượng trong khu vực nguy hiểm.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố ngập úng: Thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng; trang bị máy bơm lưu động để chống ngập úng.

4.5.2. Trong giai đoạn vận hành:

- Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải:

- + Lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục: Giám sát các thông số lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni để kiểm soát chất lượng nước thải đầu ra. Đặt cảnh báo khi nước thải đầu ra vượt tiêu chuẩn cho phép, sau đó sẽ tiến hành kiểm tra hệ thống xử lý nước thải.

- + Xây dựng và vận hành 01 hồ sự cố, dung tích khoảng 5.100 m³ (tiến độ xây dựng hoàn thành cùng với tiến độ xây dựng 01 modul 1.700 m³/ngày đêm đầu tiên), đảm bảo khả năng chứa nước thải trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố. Nước thải được bơm ngược trở lại để tiếp tục được xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- + Bố trí máy phát điện cho trạm xử lý nước thải tập trung; thiết kế, lắp đặt các thiết bị dự phòng để đảm bảo sẵn sàng thay thế ngay khi xảy ra sự cố; bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải, thường xuyên tập huấn cho nhân viên vận hành trạm xử lý nước thải về chương trình vận hành và bảo dưỡng của hệ thống.

- + Có kế hoạch và sổ theo dõi kiểm tra quá trình bảo dưỡng máy móc thiết

bị, lập sổ ghi chép nhật ký vận hành, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho các trạm xử lý nước thải của Dự án; trong trường hợp xảy ra sự cố thì dừng hoạt động để khắc phục sự cố.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại: Khu lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ và sự cố rò rỉ, khu vực lưu giữ được lắp các biển cảnh báo theo quy định, trang bị các dụng cụ, thiết bị phòng cháy, chữa cháy.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống cấp thoát nước: Không xây dựng các công trình trên tuyến đường ống nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối nối, van khoá trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án phòng cháy, chữa cháy đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4.6. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

- Một (01) hệ thống thu gom, thoát nước mưa chảy tràn.
- Một (01) hệ thống thu gom, thoát nước thải.
- Một (01) trạm xử lý nước thải công suất 5.100 m³/ngày đêm (chia 3 modul, mỗi modul có công suất là 1.700 m³/ngày đêm) bao gồm khu vực chứa, xử lý bùn.
- Một (01) hồ sự cố, dung tích 5.100 m³.
- Một (01) hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục.
- Một (01) kho lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại có diện tích 24 m².

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

Chủ dự án đề xuất và cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như sau:

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

5.1.1. Giám sát nước mặt:

- Vị trí giám sát: Một vị trí tại kênh thoát nước chung của khu vực.
- Thông số giám sát: pH, TSS, BOD5, COD, As, Pb, Hg, Cu, Amoni, Nitrat, Phosphat, Coliform.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước mặt, cột B1.

5.1.2. Giám sát không khí, tiếng ồn, độ rung

- Vị trí giám sát (nằm ngoài phạm vi Dự án): 01 vị trí dự án gần khu dân cư và 01 vị trí tại khu vực cuối hướng gió gần khu phạm vi Dự án.
- Thông số giám sát: tiếng ồn, độ rung, bụi, CO, SO₂, NO₂.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.1.3. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.
- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.2. Giai đoạn vận hành:

5.2.1. Giám sát nước thải:

- Giám sát định kỳ:
 - + Vị trí giám sát: 01 vị trí tại điểm xả trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.
 - + Chỉ tiêu giám sát: Màu, BOD₅ (20°C), Asen, Thủy ngân, Chì, Cadimi, Crom (VI), Crom (III), Đồng, Kẽm, Niken, Mangan, Sắt, Tổng xianua, Tổng phenol, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Florua, Tổng Nitơ, Tổng photpho (tính theo P), Clorua, Clo dư, Coliform, Tổng hoạt độ phóng xạ α , Tổng hoạt độ phóng xạ β , tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ, tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ, tổng PCB.
 - + Tần suất giám sát: 01 năm/lần đối với các thông số tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ, tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ, tổng PCB; các thông số khác 03 tháng/lần.
 - + Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A với các hệ số $K_q=0,9$; $K_f=0,9$.
- Giám sát tự động, liên tục:
 - + Vị trí giám sát: 01 vị trí trước cửa xả trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.
 - + Tần suất giám sát: tự động, liên tục

+ Thông số giám sát: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A với các hệ số $K_q=0,9$; $K_f=0,9$

5.2.2. Giám sát bùn thải của trạm xử lý nước thải:

- Vị trí: 01 vị trí tại bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Kiểm tra phân định bùn thải lần đầu, nếu thông số quan trắc của bùn thải vượt ngưỡng nguy hại cho phép theo quy chuẩn hiện hành thì được quản lý như chất thải nguy hại. Ngược lại sẽ quản lý theo chất thải công nghiệp thông thường.
- Thông số giám sát: pH, As, Ba, Ag, Cd, Hg, Pb, Se, Zn, Co, Ni, Cr^{6+} , CN^- .
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước.

5.2.3. Giám sát nước mặt:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại nguồn tiếp nhận nước thải (hồ nhân tạo).
- Chỉ tiêu giám sát: pH, TSS, BOD_5 , COD, NO_2^- , NO_3^- , DO, NH_4^+ , PO_4^{3-} , Cu, Pb, Zn, Cd, Hg, Tổng Crom, Fe, Tổng dầu mỡ.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, cột B1.

5.2.4. Giám sát chất thải:

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.
- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Chủ dự án có trách nhiệm và thực hiện nghiêm túc các điều kiện có liên quan đến môi trường sau:

- Chủ dự án chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các thông tin trong nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường, đặc biệt là số liệu liên quan đến diện tích đất lúa bị ảnh hưởng, số lượng các hộ dân phải di dời tái định cư, các hộ dân bị ảnh hưởng đến nhà cửa, sản xuất nông nghiệp và kinh doanh.

- Chỉ được triển khai xây dựng các hạng mục công trình của Dự án sau khi đã hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Đảm bảo quy mô, diện tích, khoảng cách bố trí các hạng mục công trình, diện tích cây xanh đáp ứng các điều kiện theo quy định tại QCVN 01:2021/BXD

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình và các đơn vị liên quan kiểm tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường đối với các dự án đầu tư thứ cấp khi đầu tư vào khu công nghiệp. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của khu công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thỏa thuận với các dự án đầu tư thứ cấp về việc đầu nối và xả nước thải vào trạm xử lý nước thải tập trung thông qua hợp đồng trách nhiệm, thiết lập hệ thống kiểm soát các nguồn nước thải đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp.

- Thực hiện việc thu hút đầu tư các ngành nghề phù hợp với quy hoạch của Dự án; phù hợp với yêu cầu bảo vệ môi trường của huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình và các nhà thứ cấp chỉ được vận hành sau khi hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp đảm bảo theo quy định.

- Thực hiện quản lý bùn thải theo quy chuẩn QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước, làm cơ sở phân định, quản lý bùn thải theo quy định.

- Chỉ được phép đổ thải các loại phế liệu xây dựng phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án vào đúng các vị trí đã được chính quyền địa phương chấp thuận và phải có biện pháp quản lý, kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển. Thực hiện giám sát quá trình đổ thải.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn, úng ngập do việc thực hiện Dự án; xây dựng, đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

- Lắp đặt, vận hành hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải có camera theo dõi, được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng và truyền dữ liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình theo quy định.

- Thực hiện các nội dung khác và xả thải vào đúng địa điểm xả nước thải theo quy hoạch đã được phê duyệt tại Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2022 về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500.

- Xây dựng, vận hành hồ ứng phó sự cố nước thải đáp ứng kỹ thuật theo quy định (lót đáy HDPE), có khả năng quay vòng xử lý lại nước thải, đảm bảo không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố của trạm xử lý nước thải.

- Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, vệ sinh công nghiệp và phòng chống sự cố trong giai đoạn thực hiện Dự án theo đúng các quy định của pháp luật; tiến hành trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án đảm bảo diện tích đất được trồng cây xanh theo đúng quy chuẩn về xây dựng.

- Thực hiện xây dựng phương án sử dụng tầng đất mặt đối với diện tích đất trồng lúa nước để sử dụng vào mục đích nông nghiệp theo quy định tại Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác./.

